

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-ST

Ngày: 15-12-2020

“V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiên Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Kim Luyến.

- Bà Nguyễn Trường Hoa.

Thư ký phiên tòa: Cô Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 05 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 703/2020/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T (S); Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D;

Địa chỉ trụ sở: số 266 - 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T – Chi nhánh Cần Thơ (S).
Đại diện ủy quyền: Ông Dương Tấn Đ – Phó giám đốc (Theo văn bản ủy quyền số 01/2019/GUQ-CNCT, ngày 02/01/2019).

Địa chỉ chi nhánh: số 95 – 97- 99, đường Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đại diện: Ông Nguyễn Lê Duy P (Văn bản ủy quyền số 2352/2019/UQ-CNCT, ngày 07/11/2019).

*** Bị đơn:** Bà Trần Kim H, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: 12/17/12/13 đường Nguyễn Trãi, phường Tân An (An Hội cũ), quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T – Chi nhánh Cần Thơ có ông Nguyễn Lê Duy Pi diện trình bày:*

Ngày 27/03/2017; Bà Trần Kim H có ký kết hợp đồng và mở thẻ tín dụng; bản Điều khoản; điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T (S) – Chi nhánh Cần Thơ (Gọi tắt là ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà Trần Kim H, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng; loại thẻ tín dụng JCB Car Card Gold – NOT ISSUE 356481-6174, hạn mức tín dụng được cấp là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình vay vốn và sử dụng thẻ bà H đã sử dụng thẻ thực hiện các giao dịch với tổng số tiền ngân hàng ghi nhận hiện tại bà H nợ là 53.546.531 đồng; trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hân đã thanh toán cho ngân hàng được số tiền 798.000 đồng và đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thẻ trên; ngân hàng S đã nhiều lần liên hệ làm việc với bà H để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thẻ, nhưng phía bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng trên. Do vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản; ngày 14/02/2019 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn nợ của bị đơn sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản.

Tính đến ngày 28/10/2019 bị đơn còn nợ như sau:

Nợ gốc: 43.711.511 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 9.835.020 đồng;

Tổng cộng: 53.546.531 đồng

Yêu cầu bị đơn thực hiện trả nợ số nợ thẻ còn nợ tính đến ngày 28/10/2019 tổng số tiền là 53.546.531 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 28/10/2019 theo hợp đồng đã ký và phát sinh theo từng chu kỳ điều khoản ngân hàng quy định;

** Bị đơn bà Trần Kim H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

Tòa án tiến hành giải quyết vụ kiện theo quy định; do bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên không hòa giải được. Tòa án tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày theo đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ thẻ cho ngân hàng tiếp tục tính đến ngày 15/12/2020 Nợ gốc là 43.711.511 đồng; nợ lãi quá hạn là 32.510.205 đồng, tổng số tiền là 76.221.716 đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm mười sáu đồng); Đối với số tiền nợ gốc 3.711.511 đồng chênh lệch so với hạn mức tín dụng được cấp là 40.000.000 đồng đại diện nguyên đơn trình bày đây là những tiền phí trong quá trình sử dụng thẻ phát sinh nên đây là tiền gốc, không phải tiền lãi. Về lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 16/12/2020 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 27/3/2017 và theo Mục

22 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.T. Cho đến khi trả dứt nợ.

Đối với bị đơn mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do là tự tước đi quyền và lợi ích của mình nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật đang tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại nợ vay theo hợp đồng tín dụng là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản; điều kiện phát hành thẻ; sử dụng thẻ) và bị đơn được cấp thẻ tín dụng JCB Car Card Gold –NOT ISSUE 356481-6174, đây là tranh chấp giữa pháp nhân với cá nhân; mục đích của hợp đồng kèm sử dụng thẻ là tiêu dùng cá nhân, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thụ lý vụ án theo tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tọa lạc tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo qui định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Do bị đơn bà Trần Kim H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Kim H là phù hợp.

[3] Xét về chứng cứ: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Các đương sự có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”. Tại phiên tòa hôm nay và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và được cấp thẻ tín dụng loại JCB Car Card Gold –NOT ISSUE 356481-6174 ký ngày 27/3/2017 và các văn bản phát sinh trong quá trình bị đơn vay và không thực hiện nghĩa vụ vay.

[4] Xét về nội dung và yêu cầu: Hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thể hiện nguyên đơn có ký kết và cho bị đơn vay nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và được cấp thẻ tín dụng loại JCB Car Card Gold – NOT ISSUE 356481-6174 ký ngày 27/3/2017; số tiền sử dụng thẻ và nợ đến ngày xét xử hôm nay 15/12/2020 dư nợ bị đơn còn nợ tổng số tiền: Nợ gốc là 43.711.511 đồng; nợ lãi quá hạn là 32.510.205 đồng, yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả.

Hội đồng xét xử xét phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và nợ lãi quá hạn theo lãi suất đã ký tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.” Trong vụ kiện này nguyên đơn đã chứng minh được bị đơn vay nợ là tiền sử dụng thẻ tín dụng và không thực hiện trả nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng và được cấp thẻ tín dụng loại JCB Car Card Gold – NOT ISSUE 356481-6174 ký ngày 27/3/2017 đã ký; dư nợ tính đến ngày 15/12/2020 tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Xét về yêu cầu lãi phát sinh: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo từ ngày 16/12/2020 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ngày 27/3/2017 và theo Mục 22 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cho đến khi bị đơn trả dứt nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan nên chấp nhận.

[7] Xét thấy yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ với chứng cứ trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận;

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự (năm 2015).

- Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ Luật dân sự (năm 2015);

- Điều 90; Điều 91; Điều 94; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi năm 2017);

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài gòn T T – Chi nhánh Cần Thơ (S) khởi kiện tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Trần Kim H như sau:

Về số nợ: Buộc bị đơn bà Trần Kim H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài gòn T T – Chi nhánh Cần Thơ (S) tổng số tiền nợ là 76.221.716 đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi một nghìn bảy trăm mười sáu đồng) (Trong đó nợ gốc là 43.711.511 đồng; nợ lãi quá hạn là 32.510.205 đồng) là dứt nợ.

Về lãi suất: Lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được thực hiện tính theo theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ngày 27/3/2017 và theo Mục 22 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng củ Ngân hàng TMCP Sài gòn T T đã ký; ngày tính lãi tiếp theo là ngày 16/12/2020.

Về thời gian trả nợ và cách trả nợ: Các bên đương sự tự thỏa thuận nếu không thống nhất thực hiện được sẽ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền.

- Về án phí:

Bị đơn bà Trần Kim H phải nộp là 3.811.000 đồng (Ba triệu tám trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.339.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 002363, ngày 02/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/12/2020) đối với nguyên đơn và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ kiện theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự số 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

** Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- UBND phường (Đề niêm yết);
- Lưu HSVA.

Lê Thiên Bảo